

PHÁT HUY NỘI LỰC QUỐC GIA TỪ KINH TẾ TƯ NHÂN NHẪM TÁI CẤU TRÚC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

NGUYỄN ĐÔNG PHONG*
PHẠM THỊ KIẾN**

Tóm tắt

Quá trình phát triển của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam đến nay trải qua ba giai đoạn: giai đoạn cơ bản (2010-2015), tăng tốc (2016-2020) và bứt phá (2021-2024), thể hiện rõ vai trò ngày càng then chốt của khu vực này trong tăng trưởng GDP và tái cấu trúc nền kinh tế quốc dân. Thông qua cách tiếp cận phân kỳ, bài viết chỉ ra sự chuyển dịch tư duy thể chế, mức độ hấp thụ chính sách và khả năng nâng cấp năng lực nội tại của doanh nghiệp tư nhân trong từng thời kỳ. Từ thực tiễn đó, bài viết đề xuất định hướng chiến lược kinh tế tư nhân giai đoạn 2025-2030, trong đó nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế tư nhân theo hướng bảo đảm quyền tự do kinh doanh, nâng cao năng lực tiếp cận vốn trung - dài hạn, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... Những định hướng này không chỉ nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững và tự chủ đến năm 2030, mà còn đặt nền móng để khu vực kinh tế tư nhân vươn lên trở thành trụ cột phát triển quốc gia đến năm 2045 trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi sâu rộng.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, tăng trưởng GDP, phân kỳ thời gian, thể chế kinh tế

Summary

The development of Viet Nam's private economic sector has undergone three phases: the foundational phase (2010-2015), the acceleration phase (2016-2020), and the breakthrough phase (2021-2024), clearly demonstrating the increasingly pivotal role of this sector in GDP growth and the restructuring of the national economy. Using a periodization approach, the article highlights shifts in institutional thinking, policy absorption capacity, and the internal capability upgrading of private enterprises across each stage. Based on this analysis, the article proposes strategic orientations for private sector development in the 2025-2030 period, emphasizing the need to improve institutional frameworks that ensure freedom of business, enhance access to medium- and long-term capital, and promote innovation and digital transformation. These orientations aim not only to realize the goals of rapid, sustainable, and autonomous growth by 2030, but also to lay the groundwork for the private sector to become a national development pillar by 2045 in the context of deep integration and transformation.

Keywords: Private economy, GDP growth, periodization, economic institutions

GIỚI THIỆU

Quá trình phát triển của kinh tế tư nhân (KTTN) Việt Nam giai đoạn 2010-2024 không chỉ phản ánh sự vận động nội tại của thể chế quốc gia, mà còn là tấm gương phản chiếu những biến động sâu sắc của môi trường kinh tế toàn cầu. Mỗi giai đoạn phát triển của Việt Nam đều ghi dấu mốc riêng trong tiến trình định hình khu vực kinh tế tư nhân: từ sự thừa nhận vai trò nhưng thiếu khung pháp lý rõ ràng (2010-2015), đến bước chuyển tư duy coi KTTN là động lực quan trọng trong bối cảnh hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0 (2016 -2020) và cuối cùng là khẳng định vai trò linh hoạt, sáng tạo của khu vực này qua thử thách đại dịch COVID-19 (2021-2024). Những khác biệt về vai trò và phản ứng chính sách qua từng thời kỳ cho thấy việc phân kỳ là cần thiết để hiểu đúng

quá trình trưởng thành của khu vực kinh tế tư nhân, từ đó làm sáng tỏ quy luật vận động nội tại, nhận diện điểm nghẽn và khoảng trống chính sách, qua đó đề xuất định hướng chiến lược nhằm tháo gỡ thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, mở rộng nguồn lực tài chính, thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng vững chắc để khu vực này phát huy vai trò động lực chủ đạo trong giai đoạn 2025-2030 và trở thành trụ cột phát triển bền vững đến năm 2045.

KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

KTTN chính thức được Đảng và Nhà nước Việt Nam công nhận là một thành phần quan trọng của nền kinh tế quốc dân kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986). Trong bối cảnh phát triển nền

*GS.TS., ** PGS.TS., Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày nhận bài: 20/5/2025; Ngày hoàn thiện biên tập: 24/6/2025; Ngày duyệt đăng: 12/7/2025

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng đã từng bước khẳng định vai trò thiết yếu của KTTN - từ việc thừa nhận sự tồn tại cần thiết đến xác định đây là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Theo quan niệm phổ quát, KTTN là khu vực kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, vận hành theo nguyên tắc tự chủ. Khu vực này bao gồm cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân và không chịu sự kiểm soát trực tiếp của Nhà nước. Sự phát triển của KTTN phản ánh năng lực huy động nguồn lực xã hội, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động. Theo Ngân hàng Thế giới (2022), khu vực này tạo ra khoảng 90% việc làm, 75% tổng đầu tư và hơn 70% GDP tại các nền kinh tế đang phát triển. Quan điểm nhất quán của Đảng qua các kỳ đại hội là thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển bền vững, phù hợp định hướng xã hội chủ nghĩa và vai trò quản lý của Nhà nước.

Từ Đại hội X (2006), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định khu vực KTTN giữ vai trò quan trọng và là một trong những động lực phát triển của nền kinh tế quốc dân. Các văn kiện Đảng liên tục khẳng định yêu cầu phát triển mạnh mẽ khu vực này, xóa bỏ rào cản và định kiến, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, không hạn chế quy mô hay ngành nghề, trừ các lĩnh vực bị pháp luật cấm. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII và Đại hội XIII tiếp tục nâng tầm vai trò KTTN, nhấn mạnh phát triển về số lượng, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững, thúc đẩy hình thành các tập đoàn KTTN lớn có năng lực cạnh tranh quốc tế. Đề kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế, Đại hội XIII của Đảng xác định cần giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; từ đó, chỉ rõ cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý của Nhà nước theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội. Do đó, Nhà nước phải: “Tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, lớn mạnh về quy mô, nâng cao về chất lượng”; kiên quyết “Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Phần đầu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60-65%”.

KTTN là xu thế tất yếu trong quá trình hiện đại hóa. Tại Ấn Độ, khu vực này chiếm hơn 80% GDP; tại Trung Quốc, đóng góp gần 60% GDP; còn ở các nước OECD, tư nhân là trung tâm đổi mới sáng tạo và phục hồi sau đại dịch (World Bank, 2022). Tại Việt Nam, KTTN đối mặt với nhiều thách thức như quy mô nhỏ, thiếu vốn dài hạn, năng lực quản trị và công nghệ hạn chế. Trước yêu cầu đó, Nghị quyết số 68-NQ/TW

ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển KTTN đã xác định, KTTN là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Đây là định hướng chiến lược nhằm khai phóng nguồn lực xã hội, đẩy nhanh đổi mới sáng tạo và hướng tới tăng trưởng bền vững đến năm 2045.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KTTN TRONG TIỀN TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA VIỆT NAM

Giai đoạn 2010-2015: Bước ngoặt định hình vai trò KTTN trong nền kinh tế Việt Nam

Giai đoạn 2010-2015 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong nhận thức và chính sách phát triển khu vực KTTN tại Việt Nam. Đại hội XI của Đảng (2011) lần đầu tiên khẳng định rõ ràng KTTN là “một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế”, chấm dứt giai đoạn coi khu vực này là “bộ phận bổ trợ” và chính thức hóa vai trò chủ động của KTTN trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, các cải cách pháp lý quan trọng như Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2014 và Nghị quyết số 19/NQ-CP năm 2014 đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Với nền tảng thể chế ngày càng cởi mở, KTTN trong giai đoạn này phát triển mạnh mẽ ở nhiều ngành chủ chốt như chế biến thực phẩm, đồ uống, xây dựng, bán lẻ và vận tải nội địa. Theo Tổng cục Thống kê (2015), khu vực ngoài nhà nước - chủ yếu là KTTN - đã đóng góp 38-40% GDP, sử dụng hơn 77% lực lượng lao động và chiếm gần 45% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đặc biệt, KTTN bắt đầu mở rộng sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như công nghệ thông tin và nông nghiệp công nghệ cao. Doanh thu phần mềm tăng từ 1,06 tỷ USD (năm 2010) lên 1,6 tỷ USD (năm 2015), trong khi xuất khẩu tôm công nghệ cao đạt 3,95 tỷ USD năm 2014, chiếm 80% tổng sản lượng - cho thấy dấu hiệu chuyển dịch rõ rệt về chất.

Tuy nhiên, ở giai đoạn này, khu vực KTTN vẫn tồn tại nhiều hạn chế cấu trúc và thể chế. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, thủ tục hành chính phức tạp và việc phân loại sở hữu không minh bạch đã gây sai lệch trong thống kê, làm giảm hiệu quả hoạch định chính sách. Nhiều doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối vẫn được thống kê như doanh nghiệp tư nhân, trong khi các hộ kinh doanh - chiếm tỷ trọng lớn - lại chưa được ghi nhận đầy đủ trong hệ thống doanh nghiệp chính thức. Hơn nữa, phần lớn doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, năng suất lao động thấp, khó tiếp cận vốn và hạn chế khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (World Bank, 2019). Nguyên nhân bắt nguồn từ cả phía Nhà nước - với chính sách hỗ trợ dàn trải, thiếu trọng tâm - và phía doanh nghiệp - với năng lực quản trị, công nghệ và tư duy phát triển còn yếu.

Giai đoạn 2016-2020: Bước ngoặt thể chế và cú hích tăng tốc cho khu vực KTTN

Giai đoạn 2016-2020 ghi dấu một bước ngoặt trong tư duy phát triển kinh tế tại Việt Nam, khi lần đầu tiên khu vực KTTN được xác lập là “một động lực quan trọng của nền kinh tế” trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng (2016). Đây là sự chuyển đổi căn bản, thay đổi quan điểm truyền thống vốn chỉ xem tư nhân là lực lượng bổ trợ. Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển KTTN xác định mục tiêu phát triển khu vực tư nhân một cách lành mạnh, hiệu quả và bền vững, hướng tới hình thành các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu. Các định hướng này nhanh chóng được thể chế hóa qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, cũng như Chương trình khởi nghiệp quốc gia, các quỹ đổi mới sáng tạo và cơ chế ưu đãi tín dụng, đào tạo, chuyển giao công nghệ.

Kết quả cho thấy, tính đến năm 2020, cả nước có hơn 700.000 doanh nghiệp tư nhân, chiếm hơn 96% tổng số doanh nghiệp, đóng góp khoảng 45% GDP, sử dụng trên 85% lực lượng lao động và chiếm hơn 40% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Năng suất lao động trong giai đoạn này tăng trung bình 5,8%/năm - cao hơn giai đoạn trước và vượt kỳ vọng ban đầu (Economica, 2018). KTTN cũng bắt đầu chiếm lĩnh các ngành có giá trị gia tăng cao như công nghiệp chế biến - chế tạo, logistics, công nghệ thông tin và thương mại điện tử. Các tập đoàn tư nhân lớn như Vingroup, FPT, Masan, VietJet, Thaco... đã vươn ra khu vực và quốc tế, từng bước khẳng định vai trò trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

Tuy nhiên, khu vực này vẫn đối mặt với nhiều rào cản. 59% doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn trong thủ tục đất đai, 53% vướng mắc về quy hoạch xây dựng; chi phí không chính thức vẫn là gánh nặng phổ biến (VCCI và USAID, 2020). Việc thực thi chính sách thiếu nhất quán làm gia tăng rủi ro và giảm niềm tin thị trường. Trong nội tại, phần lớn doanh nghiệp quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, thiếu năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển đổi số còn yếu và chất lượng nhân lực chưa đạt chuẩn quốc tế (World Bank, 2023). Nguyên nhân đến từ cả phía Nhà nước - với cải cách thể chế còn chậm, chính sách hỗ trợ thiếu hiệu lực - và phía doanh nghiệp - với tư duy ngắn hạn, thiếu liên kết, quản trị yếu.

Như vậy, giai đoạn 2016-2020 đã khẳng định vị thế trung tâm của KTTN trong mô hình tăng trưởng hiện đại. Tuy nhiên, để phát huy toàn diện vai trò này, vấn đề đặt ra là phải tiếp tục cải cách thể chế, nâng cao năng lực nội sinh và hình thành một hệ sinh thái phát triển doanh nghiệp tư nhân đồng bộ, bền vững.

Giai đoạn 2021-2024: KTTN bứt phá sau đại dịch, trụ cột thúc đẩy tăng trưởng nội sinh

Tại Đại hội XIII (2021), trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tác động nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống - kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn

mạnh yêu cầu phát huy mạnh mẽ nội lực quốc gia. KTTN tiếp tục được khẳng định là “một động lực quan trọng của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). KTTN được kỳ vọng đạt mức tăng năng suất lao động bình quân 4-5%/năm trong giai đoạn 2016-2025 và có nhiều doanh nghiệp lọt vào nhóm dẫn đầu ASEAN-4, tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách trọng điểm như Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31/3/2023, đặt mục tiêu đến năm 2025 có 1,5 triệu doanh nghiệp (trong đó 60.000-70.000 là quy mô vừa và lớn); Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023. Trong giai đoạn hậu đại dịch, nhiều tập đoàn tư nhân lớn như VinFast, Masan, VNG, VietJet... đã thể hiện năng lực phục hồi và đổi mới vượt trội trong các lĩnh vực công nghệ, sản xuất thông minh, logistics và trí tuệ nhân tạo (AI). Năm 2023, KTTN đóng góp khoảng 52% GDP, sử dụng trên 87% lao động xã hội và chiếm 45% tổng vốn đầu tư. Trong ngành nông nghiệp, nhiều doanh nghiệp tư nhân giữ vai trò chủ lực trong xuất khẩu, với doanh thu tăng 2-3 lần so với trước đại dịch (Tổng cục Thống kê, 2024).

Tuy nhiên, bên cạnh sự phục hồi mạnh mẽ, KTTN vẫn bộc lộ nhiều thách thức mang tính hệ thống. Đến cuối năm 2024, số doanh nghiệp tư nhân chỉ đạt hơn 940.000, chưa đạt mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp theo Nghị quyết số 10-NQ/TW (2017). Tỷ lệ doanh nghiệp rút lui tăng cao; năng suất lao động của doanh nghiệp tư nhân chỉ bằng 60% bình quân doanh nghiệp, còn hộ kinh doanh chỉ đạt 34% (World Bank, 2023). Hệ số ICOR cao (10,1), cho thấy hiệu quả đầu tư thấp hơn đáng kể so với khối FDI. Về thể chế, doanh nghiệp tư nhân gặp khó khăn trong tiếp cận đất đai, tài chính và dự án đầu tư. Chỉ số tiếp cận đất đai PCI giảm từ 7,01 (2021) xuống 6,75 (2023) và có tới 73% doanh nghiệp phản ánh gặp khó trong thủ tục đất đai (VCCI và USAID, 2023). Về quản trị, chỉ 5% doanh nghiệp thực hành quản trị tốt và điểm quản trị công ty trung bình chỉ đạt 57 điểm - thấp nhất ASEAN (ASEAN Capital Markets Forum, 2024). Trong bối cảnh chuyển đổi kép xanh - số, khoảng 80% doanh nghiệp chưa nhận thức đúng vai trò đổi mới sáng tạo; chỉ 12% có chính sách ESG và phần lớn thiếu nhân lực chất lượng cao, công nghệ và khả năng tiếp cận dữ liệu.

COVID-19 tuy gây tổn thất nặng nề nhưng cũng thúc đẩy quá trình tự thích ứng của doanh nghiệp tư nhân. Nhờ đặc điểm nhỏ, linh hoạt, nhiều doanh nghiệp nhanh chóng ứng dụng thương mại điện tử, logistics nội địa và giải pháp số để duy trì hoạt động, phục hồi chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường. Tuy nhiên, những yếu điểm như phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, logistics quốc tế, sản phẩm giá trị thấp và năng lực huy động vốn yếu vẫn là rào cản lớn. Doanh nghiệp chủ yếu tiếp cận tín dụng ngắn hạn với

chi phí cao, thiếu chiến lược quản trị dài hạn và chưa đạt trình độ chuyên môn hóa hay tích hợp công nghệ tiên tiến.

Nguyên nhân đến từ cả yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Về nội sinh, nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được chiến lược phát triển bền vững, thiếu năng lực tiếp cận thông tin, đổi mới công nghệ và nâng cấp quản trị. Về ngoại sinh, chính sách hỗ trợ sau đại dịch còn mang tính ngắn hạn, thiếu cơ chế giám sát hiệu quả, trong khi hệ thống pháp luật còn bất cập, dễ tạo ra rủi ro trong mở rộng quy mô. Đặc biệt, tâm lý “duy trì quy mô nhỏ để né rủi ro thuế, pháp lý” vẫn khá phổ biến, làm giảm động lực phát triển.

Tóm lại, giai đoạn 2021-2024 chứng kiến sự phục hồi đáng ghi nhận của khu vực KTTN, song cũng chỉ ra yêu cầu cấp thiết về cải cách thể chế, nâng cao năng lực quản trị và đổi mới sáng tạo. Để KTTN thực sự trở thành động lực trung tâm cho tăng trưởng bền vững, cần có chiến lược tổng thể, kết hợp đồng bộ giữa chính sách vĩ mô, cải cách hành chính, chuyển đổi số và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cấp toàn diện.

KTTN giai đoạn 2025-2030: Bứt phá trở thành động lực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế quốc dân

Giai đoạn 2025-2030 được xác định là thời kỳ “bứt phá” nhằm khẳng định vai trò chủ lực của KTTN trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2025, KTTN không chỉ là “một động lực quan trọng” mà cần vươn lên thành “động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân”, tiên phong trong đổi mới công nghệ, chuyên đổi số và dẫn dắt tăng trưởng quốc gia. Nhấn mạnh quyền tự do kinh doanh, bảo vệ tài sản tư nhân, thúc đẩy liên kết công - tư - FDI và mở rộng không gian phát triển cho doanh nghiệp tư nhân là định hướng xuyên suốt của Đảng trong giai đoạn này. Nghị quyết 25/NQ-CP ngày 05/2/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 cũng nhấn mạnh vai trò trung tâm của KTTN trong tăng trưởng nội sinh, đổi mới sáng tạo và phục hồi kinh tế, với mục tiêu GDP tăng tối thiểu 8%/năm.

Hiện nay, KTTN đang đóng vai trò nổi bật trong nền kinh tế. Khu vực này chiếm khoảng 50% tổng dư nợ tín dụng (tương đương 7 triệu tỷ đồng), đóng góp 52% GDP, sử dụng trên 87% lao động, thu hút 45% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và chiếm hơn 55% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (Tổng cục Thống kê, 2024). Các tập đoàn tư nhân như VinFast, Masan, VNG... đã khẳng định năng lực cạnh tranh toàn cầu trong lĩnh vực ô tô điện, thực phẩm sạch, công nghệ số và AI, phản ánh khả năng thích ứng, phục hồi và đổi mới trong giai đoạn hậu COVID-19.

Trong giai đoạn phát triển 2025-2030, khu vực KTTN - đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn chiếm trên 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam - sẽ đối diện nhiều thách thức lớn về tài chính, thể chế

và năng lực nội tại. Hơn 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa đang có nhu cầu vốn để phục hồi sau đại dịch, mở rộng sản xuất và đổi mới công nghệ, tuy nhiên chỉ khoảng 40% tiếp cận được tín dụng ngân hàng. Đáng chú ý, trên 80% khoản vay hiện nay có kỳ hạn dưới 12 tháng, trong khi nhu cầu thực tế là các khoản vay ổn định 3-5 năm để đảm bảo hiệu quả đầu tư (HanoiSME, 2024).

Ngoài ra, lãi suất thương mại dao động 9-11%/năm - cao hơn mặt bằng khu vực ASEAN (6-7%) - và tỷ lệ vốn dài hạn huy động qua thị trường chứng khoán mới chỉ đạt khoảng 13%, so với 40-60% ở các nước phát triển. Thiếu công cụ xếp hạng tín nhiệm, cơ chế bảo lãnh tín dụng và chia sẻ rủi ro tiếp tục làm suy giảm khả năng tiếp cận tài chính dài hạn của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khảo sát năm 2024 của CIEM cho thấy 67% doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng, trong đó 60% chưa thực hiện kiểm toán độc lập (CIEM, 2024).

Bên cạnh yếu tố tài chính, phần lớn doanh nghiệp chưa ứng dụng sâu chuyên đổi số, thiếu nhân lực chất lượng cao và chưa tích hợp ESG - khiến năng lực cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế (Vietnam Business Forum, 2024).

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để KTTN thực hiện được vai trò một động lực quan trọng của nền kinh tế, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

Đối với Nhà nước

Để KTTN thực sự trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân như định hướng tại Nghị quyết 68-NQ/TW (2025), cần triển khai đồng bộ ba nhóm chính sách trọng tâm, tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn thể chế, tài chính và năng lực đổi mới.

Thứ nhất, về thể chế, cần thiết lập cơ chế điều phối chính sách thống nhất, liên ngành, nhằm khắc phục tình trạng phân mảnh giữa các bộ - ngành. Đặc biệt, cần trao vai trò chính thức cho các đại học trọng điểm về kinh tế - quản trị đa ngành làm trung tâm tham vấn chính sách KTTN, đào tạo nguồn nhân lực, theo mô hình hợp tác ba bên (triple helix) giữa nhà nước - doanh nghiệp - đại học như tại các nước OECD. Đồng thời, cần tăng cường giám sát độc lập đối với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp để bảo đảm minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn lực công.

Thứ hai, về tài chính, cần phát triển mạnh thị trường tài chính phi ngân hàng, bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và quỹ đầu tư mạo hiểm đa ngành, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ và dịch vụ số. Chính phủ cần thiết kế các gói tín dụng ưu đãi trung - dài hạn cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, R&D và ESG, đi kèm với cơ chế bảo lãnh tín dụng từ quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc mô hình đồng tài trợ công - tư.

Thứ ba, cần có chính sách khuyến khích chuyển đổi số và nâng chuẩn doanh nghiệp, bao gồm ưu đãi

thuê thực chất, hỗ trợ xây dựng nền tảng số dùng chung, chuẩn hóa báo cáo tài chính và xếp hạng tín nhiệm. Đây là nền tảng thiết yếu để doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển bền vững.

Đối với các doanh nghiệp tư nhân

Trong bối cảnh nền kinh tế quốc tế và trong nước có nhiều chuyển biến, các doanh nghiệp tư nhân cần phát sự chủ động chuyển mình để thích ứng với yêu cầu mới. Trước hết, doanh nghiệp cần chuyên nghiệp hóa hệ thống quản trị thông qua việc đào tạo đội ngũ lãnh đạo theo hướng hiện đại, áp dụng nguyên tắc quản trị minh bạch, chuẩn hóa hệ thống kế toán - tài chính và thực hiện kiểm toán độc lập. Đây là nền tảng để nâng cao uy tín và khả năng tiếp cận các nguồn vốn dài hạn từ ngân hàng và nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, đầu tư vào hoạt động R&D cần được thực hiện một cách thực chất, gắn với chiến lược đổi mới sản phẩm, quy trình sản xuất và dịch vụ. Doanh nghiệp nên hợp tác chặt chẽ với các trường đại học để tiếp cận tri thức mới, ứng dụng công nghệ số và đào tạo đội ngũ kỹ thuật có năng lực làm việc trong môi trường liên ngành, theo chuẩn quốc tế. Đồng thời, doanh nghiệp tư nhân cần việc tích hợp các tiêu chuẩn phát triển bền vững như ESG và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong vận hành, quản trị và kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp bắt kịp xu thế hội nhập toàn cầu.

Cuối cùng, thay vì hoạt động đơn lẻ, doanh nghiệp cần chuyển sang mô hình liên kết ngành, cụm doanh nghiệp và hợp tác công tư (PPP) để tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu rủi ro và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị khu vực - toàn cầu. Việc nâng cấp toàn diện năng lực nội sinh chính là điều kiện tiên quyết để

doanh nghiệp hấp thụ hiệu quả các chính sách hỗ trợ và thực sự đóng vai trò trung tâm trong chiến lược tăng trưởng quốc gia giai đoạn tới.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn phát triển mới, khi khu vực KTTN được xác định là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân theo Nghị quyết 68-NQ/TW (2025), việc hiện thực hóa vai trò này đòi hỏi những chuyển biến đồng bộ từ cả phía Nhà nước và doanh nghiệp. Về phía Nhà nước, cần xây dựng thể chế minh bạch, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và quyền sở hữu tài sản, đồng thời phân định rõ ràng giữa các hành vi vi phạm hành chính và hình sự để tạo môi trường pháp lý an toàn, ổn định. Cùng với đó là việc phát triển các công cụ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp như tín dụng trung - dài hạn, thị trường vốn đa tầng và hệ thống xếp hạng tín nhiệm độc lập nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn. Về phía doanh nghiệp, bản thân các doanh nghiệp tư nhân phải chủ động nâng cấp năng lực nội sinh, chuyển sang mô hình quản trị hiện đại, đầu tư thực chất vào R&D, chuyển đổi số và tích hợp các tiêu chuẩn ESG. Việc tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp - Nhà nước - đại học sẽ đóng vai trò then chốt trong việc hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy năng suất tổng hợp và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Khi định hướng chiến lược được chuyên hóa thành cơ chế vận hành hiệu quả và doanh nghiệp đủ khả năng hấp thụ chính sách, KTTN Việt Nam sẽ thực sự trở thành đầu tàu thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và tự chủ cho nền kinh tế quốc gia. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển KTTN trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân*.
2. CIEM (2024). *Báo cáo đánh giá tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
7. HanoiSME (2024). *Khảo sát nhu cầu tín dụng và khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội*.
8. VCCI và USAID (2020). *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam năm 2019 (PCI 2019)*.
9. VCCI và USAID (2023). *Báo cáo PCI 2022: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*.
10. Tổng cục Thống kê (2015). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2015*.
11. Tổng cục Thống kê (2024). *Niên giám thống kê Việt Nam 2023*, Nxb Thống kê.
12. ASEAN Capital Markets Forum (2024). *2024 ASEAN Corporate Governance Scorecard*.
13. Economica (2018). *Vietnam Private Sector: Productivity and Prosperity*.
14. Vietnam Business Forum (2024). *Pathway towards a sustainable economic recovery: 2024 ESG report*.
15. World Bank (2019). *Tạo lập thị trường tại Việt Nam - Chẩn đoán KTTN quốc gia*.
16. World Bank (2022). *Private Sector Development Overview*.
17. World Bank (2023). *Enterprise Survey: Vietnam 2023*.